

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 55/2021/DSPT

Ngày: 29/01/2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi tài sản*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các Thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn

Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thẩm tra
viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia
phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2021/DSPT ngày
02/11/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa
án nhân dân huyện Ba Vì bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 466/2020/QĐ-PT ngày 17/11/2020; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết; sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn
Kim Tân, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên
tòa.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Tơ; sinh năm: 1961; địa chỉ: thôn Quảng Phúc,
xã Yên Bài, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Hà; sinh năm: 1990;
địa chỉ: Phòng 924- Toà nhà CT2 The Pride số 102 Tổ Hữu, phường La
Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (*theo giấy uỷ quyền ngày
30/11/2020 tại VPCC Thanh Xuân*). Bà Hà có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn Thiện; sinh năm: 1953; địa chỉ: thôn Lồng Hồ, xã

Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.
3.2. Chị Nguyễn Thị Thảo; sinh năm: 1984; địa chỉ: thôn La Gián, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.
4. Người kháng cáo: bà Trần Thị Tuyết là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết trình bày: Bà Tuyết và bà Bùi Thị Tơ có mối quan hệ bạn bè. Năm 2004 do là bạn bè nên bà Bùi Thị Tơ có rủ bà Tuyết góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm (ông Lâm là người cùng xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội). số tiền bà Tuyết đưa bà Tơ là 10.000.000đ. Còn lại số tiền 5.000.000đ bà Tuyết cho bà Tơ vay nhưng không lấy lãi. Tổng cộng bà Tuyết đưa cho bà Tơ 15.000.000đ. Sau đó bà Tơ đã mua đất và xây nhà trên mảnh đất đó, nhưng bà Tuyết không nhận lại được số tiền 15.000.000đ trên từ phía bà Tơ.

- Đến ngày 11/01/2007 bà Tơ lại hỏi vay tiền của bà Tuyết và bà Tuyết lại cho bà Tơ vay số tiền: 40.000.000đ, hai bên không thỏa thuận về lãi và ngày trả nợ, khi vay tiền chỉ có bà Tuyết và bà Tơ biết; bà Tơ không thể chấp cho bà Tuyết sổ đỏ đứng tên chị Nguyễn Thị Thảo là con gái bà Tơ cho bà Tuyết theo như lời bà Tơ nói, bà Tuyết khẳng định không cầm sổ đỏ của bà Tơ.

- Đến ngày 27/5/2010 bà Tuyết đưa cho bà Tơ số tiền 200.000.000đ với mục đích mua chung đất nhà ông Thiện, khi đưa tiền cho bà Tơ do tin tưởng nên bà Tuyết và bà Tơ chỉ viết giấy nhận tiền chứ hai bên không hẹn ngày trả tiền cũng như việc ai đứng tên khi mua được mảnh đất trên và việc trả lãi cho bà Tuyết giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng.

Tổng cộng ba lần bà Tuyết đưa cho bà Tơ vay và góp vốn mua chung đất, số tiền: 255.000.000đ (*Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng*) hai bên chỉ viết giấy tay và không thỏa thuận lãi, bà Tơ ký nhận vào các giấy tờ trên, việc bà Tuyết cho bà Tơ vay tiền chỉ có bà Tuyết và bà Tơ biết. Bà Tuyết đã nhắc nợ nhiều lần nhưng bà Tơ không trả, đến tháng 2 năm 2019 thì bà Tuyết đến làm cho bà Tơ và nhắc nợ bà Tơ nhiều lần nên bà Tơ đã trả cho bà Tuyết được số tiền: 20.000.000đ số tiền này bà Tơ đưa cho bà Tuyết 10.000.000 đồng và bà Tơ gửi qua nhờ bà Dung chuyển cho bà Tuyết 10.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà Tuyết không nhận thêm được số tiền gốc nào từ phía bà Tơ.

Nay bà Tuyết đề nghị Tòa án buộc bà Tơ phải trả cho bà những khoản tiền sau:

+ Đối với số tiền 15.000.000 đồng bà Tuyết đưa cho bà Tơ để mua đất nhà ông Lâm khi đó giá trị thửa đất là 58.000.000 đồng bà Tơ đã mua được mảnh đất trên, bà đã xây nhà ở trên đó đến nay theo bà Tuyết được biết thì bà Tơ đã bán toàn bộ diện tích đất nhà ông Lâm với giá khoảng 1.700.000.000 đồng. Bà Tuyết đề nghị chia số tiền đã bán đất theo phần tiền bà đã đóng góp tại thời điểm mua chung đất.

+ Đối với số tiền bà Tơ vay còn lại là: 20.000.000 đồng bà Tuyết đề nghị buộc bà Tơ phải trả số tiền trên và tính lãi từ ngày 11/01/2007 cho đến nay.

+ Đối với số tiền: 200.000.000 đồng bà Tuyết đưa cho bà Tơ để mua đất nhà ông Thiện, do bà Tơ không mua được đất nhà ông Thiện nên ông Thiện không trả lại tiền đặt cọc nên bà Tuyết đề nghị Toà án buộc bà Tơ phải trả cho bà số tiền góp vốn là: 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Tơ phải trả cho bà Tuyết là: 235.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Tơ trình bày: Bà Tơ và bà Tuyết có mối quan hệ bạn bè thân thiết từ năm 2000 do bà Tơ làm môi giới về đất đai nên bà Tuyết muốn góp tiền mua chung đất với bà Tơ và hai bên đã làm ăn thành công được hai lần, sau đó đến lần thứ ba là mua đất nhà ông Trần Văn Thiện tại thôn Lòng Hồ, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Bà Tuyết cộng tất cả các lần mua chung đất ở Kim Sơn lại thành 200.000.000 đồng để đưa cho bà Tơ đặt cọc đất, tại thời điểm đó tiền đặt cọc đất là 500.000.000 đồng (bà Tuyết 200.000.000 đồng, bà Tơ 300.000.000 đồng). Do khách không lên mua đất nên số tiền đặt cọc trên ông Thiện không trả lại cho bà Tơ nữa, bà Tơ đã đến yêu cầu ông Thiện phải trả số tiền đặt cọc trên nhưng ông Thiện không trả, khi đó bà Tuyết yêu cầu bà Tơ đưa giấy đặt cọc trên để bà Tuyết đi đòi từ đó đến nay bà Tơ không đòi tiền đặt cọc từ phía ông Thiện nữa.

Đối với số tiền vay 32.500.000 đồng thì bà Tuyết đưa cho bà Tơ làm 3 lần mục đích để mua đất nhà ông Lâm ở thôn Ngải Sơn, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, tôi có viết giấy và ký nhận số tiền trên. Ngày 11/01/2007 (AL) bà Tơ có viết giấy biên nhận vay tiền của bà Tuyết là 40.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi, bà Tơ ký vào giấy nhận tiền, khi vay tiền của bà Tuyết, bà Tơ có đưa cho bà Tuyết 01 sổ đỏ đứng tên chị Nguyễn Thị Thảo là con gái bà, địa chỉ: Thôn La Gián, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Số tiền trên bà Tơ đã trả cho bà Tuyết làm 4 lần, mỗi lần là 10.000.000 đồng và đưa tận tay bà Tuyết, còn lần thứ 4 bà Tơ gửi cho cô Dung hàng xóm nhà bà Tơ trả cho bà Tuyết số tiền trên, khi bà Tơ trả cho bà Tuyết số tiền trên do nghĩ là chị em thân thiết nên bà Tơ đã không ghi giấy tờ gì, đến nay bà Tuyết chưa trả cho bà Tơ sổ đỏ trên.

Đến ngày 27/5/2010 bà Tơ có viết giấy em Tơ nhận của chị Tuyết 200.000.000 đồng. Trong số tiền 200.000.000 đồng thì có 32.500.000 đồng tiền mua đất chung nhà ông Lâm mà bà Tuyết yêu cầu bà Tơ chuyển sang để mua đất nhà ông Thiện), mục đích để mua chung đất nhà ông Thiện. Bà Tơ đã nhận tiền và ký vào giấy nhận tiền giữa bà Tơ và bà Tuyết.

Việc bà Tơ vay tiền và nhận tiền góp vốn mua đất nhà ông Lâm, ông Thiện chỉ có bà Tơ và bà Tuyết biết ngoài ra không có ai biết.

Nay bà Tơ xác nhận bà có nhận của bà Tuyết số tiền 200.000.000 đồng, trong đó có 32.500.000 đồng tiền mua đất nhà ông Lâm chuyển sang để đặt cọc mua đất nhà ông Thiện, bà Tơ khẳng định là không trả số tiền 200.000.000 đồng trên cho bà Tuyết vì đây là tiền góp vốn mua chung đất gặp rủi ro hai bên cùng phải gánh chịu. Nếu ông Thiện trả lại cho bà số tiền cọc trên thì bà sẽ trả cho bà Tuyết.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Thiện có đơn xin vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án ông Thiện trình bày: Ngày 27/5/2010 ông có ý định bán 7,5 ha đất trồng rừng FAM thì bà Tơ là người cùng xã đã đến hỏi mua. Hai bên có làm hợp đồng đặt cọc mua đất đôi và có thoả thuận ông Thiện bán cho bà Tơ diện tích 7,5 ha đất trồng rừng. Bà Tơ đặt cọc cho ông Thiện số tiền: 500.000.000 đồng, bà Tơ hẹn đến ngày 27/06/2010 sẽ trả hết số tiền 4.000.000.000 đồng tiền mua đất, nếu ông Thiện không bán đất cho bà Tơ nữa thì ông Thiện bị phạt tiền cọc là 500.000.000 đồng, tổng cộng ông Thiện phải trả cho bà Tơ 1.000.000.000 đồng. Bà Tơ nếu không mua đất nữa thì sẽ không được lấy lại tiền cọc. Ông Thiện đã cho bà Tơ thêm hai năm để thực hiện thoả thuận trên nhưng bà Tơ vẫn không thực hiện việc mua đất nên ông Thiện không trả lại tiền đặt cọc cho bà Tơ nữa. Khoảng năm 2014, 2015 thì bà Tuyết có đến gặp ông Thiện để trình bày về việc bà Tuyết có góp vốn với bà Tơ mua chung đất nhà ông Thiện nhưng ông Thiện không biết bà Tuyết là ai; ông Thiện chỉ làm việc với bà Tơ chứ không liên quan đến bà Tuyết, bà Tuyết yêu cầu trả lại tiền cho bà Tuyết thì ông Thiện không trả; nếu trả sẽ trả cho bà Tơ. Khoảng hai năm gần đây công an thị xã Sơn Tây có đến xác minh theo đơn của bà Tuyết cho rằng ông Thiện lạm dụng tín nhiệm nhưng sau khi làm việc thì có xác định đây là quan hệ dân sự không liên quan đến hình sự nên công an Sơn Tây không đến làm việc với ông nữa. Bà Tơ yêu cầu ông Thiện trả lại cho bà 500.000.000 đồng thì ông Thiện không trả lại vì bà Tơ đã vi phạm hợp đồng đặt cọc. Ông Thiện có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hoà giải, phiên toà tại Toà án huyện Ba Vì.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thảo có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình giải quyết vụ án chị Thảo trình bày:

Chị là con đẻ của bà Tơ, khoảng tháng 01 năm 2007 thì bà Tơ có gọi điện báo cho chị mang sổ đỏ đứng tên chị- nguồn gốc của diện tích đất trên là do bố đẻ chị tặng cho, diện tích 300 m². Việc bà Tơ trao đổi vay tiền của bà Tuyết số tiền bao nhiêu thì chị không rõ. Bà Tơ bảo chị đưa sổ đỏ trên cho bà Tuyết thì chị đưa và hai bên không viết giấy tờ giao nhận sổ đỏ. Đến nay chị Thảo chưa nhận lại được quyền sổ đỏ trên. Việc bà Tơ vay tiền đã trả hết nợ chưa thì chị không biết. Chị yêu cầu bà Tuyết phải trả lại cho chị sổ đỏ trên.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình Thi đến trình bày như sau: Ông đưa cho bà Tơ số tiền 17.500.000 đồng cùng với bà Tuyết để mua chung đất nhà ông Lâm. Do nghĩ là bạn bè thân thiết nên ông đề nghị viết chung vào tờ giấy biên nhận với bà Tuyết. Hiện nay bà Tơ đã bán diện tích đất trên với giá 1.700.000.000 đồng. Ông được Toà án huyện Ba Vì báo gọi nhưng do bận công việc nên ông không đề nghị Toà án Ba Vì giải quyết trong vụ án này, ông sẽ khởi kiện bà Tơ bằng vụ án khác để đòi lại quyền lợi của ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả số tiền gốc: 235.000.000 đồng và số tiền lãi: 396.200.000 đồng; Đối với số tiền: 10.000.000 đồng mua chung đất nhà ông Lâm, khi đó giá trị thửa đất nhà ông Lâm là: 58.000.000 đồng và bà Tơ đã mua được đất, làm nhà trên đó nay đã bán được: 1.700.000.000 đồng, bà Tuyết yêu cầu chia số tiền bán đất trên phần bà góp vốn mua chung đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã Xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Tuyết đối với bà Bùi Thị Tơ.

2/ Buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả cho bà Trần Thị Tuyết số tiền gốc là: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là: 3.390.411đ (Ba triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng). Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/08/2020 là: 28.390.411đ (Hai mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Giành quyền khởi kiện cho bà Trần Thị Tuyết bằng một vụ án khác đối với bà Bùi Thị Tơ về số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

4/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết số tiền: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền góp vốn cùng bà Bùi Thị Tơ mua chung đất hộ gia đình ông Trần Văn Thiện do bà Tơ đứng tên đặt cọc với ông Thiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 07/9/2020, bà Trần Thị Tuyết làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên hôm nay:

Bà Trần Thị Tuyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Tuyết cũng trình bày bà không khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng đặt cọc với ông Trần Văn Thiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Phạm Thị Hà trình bày ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì việc bà Tuyết yêu cầu đòi bà Tơ số tiền 210.000.000 đồng là không có căn cứ, bà Hà đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án.

Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được coi là hợp lệ về hình thức.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

1. Về hình thức: Nguyên đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các đương sự không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

2. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết

Ngày 26/02/2020, bà Trần Thị Tuyết nội đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bà Vì yêu cầu bà Bùi Thị Tơ; sinh năm; 1961; địa chỉ: thôn Quảng Phúc, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, Hà Nội phải trả cho bà Tuyết số tiền vay là 235.000.000 đồng kèm theo đơn kiện bà Tuyết giao nộp các giấy nhận tiền của bà Tơ thể hiện:

Giấy thứ nhất: "...Đưa tiền cho Tơ mua đất của Lâm

Thị đưa 17.500.000đ

Tuyết đưa 10.000.000đ

Tơ vay 5.000.000đ

Tổng = 32.500.000đ (ba lần)

(ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Bà Tơ đã ký..."

Giấy thứ hai: "... ngày 11/1 (âm 07). Em Tơ vay của chị Tuyết số tiền là 40.0000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Bà Tơ đã ký..."

Giấy thứ ba: "... Hôm nay ngày 27/5/2010. Em Tơ cầm của chị Tuyết 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để mua chung đất nhà ông Thiện.

Bà Tơ đã ký..."

Hội đồng xét xử xem xét đối với nhận giấy nhận tiền thứ nhất giữa bà Trần Thị Tuyết và bà Bùi Thị Tơ thể hiện khoản tiền bà Tơ vay bà Tuyết là 5 triệu, thời gian vay như các đương sự trình bày từ năm 2004 và không có thỏa thuận về lãi suất cùng như thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất nên căn cứ vào các Điều 468, 467, 474, 470 Bộ luật Dân sự năm 1995 khi tiến hành giải quyết vụ án.

Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 10.000.000 đồng tiền góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm và bà Tơ đã mua được đất, làm nhà trên đó nay đã bán được 1.700.000.000đ, bà Tuyết yêu cầu chia số tiền bán đất trên phần bà góp vốn mua chung đất. Do yêu cầu của bà Tuyết tại đơn khởi kiện là đòi tiền vay và yêu cầu của bà vượt quá yêu cầu khởi kiện nêu tại mục 7, phần IV Nghị quyết số 01 về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ ngày 07/04/2017 nên yêu cầu này của bà Tuyết sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Hội đồng xét xử xem xét đối với giấy nhận tiền thứ hai giữa bà Trần Thị Tuyết và bà Bùi Thị Tơ thể hiện khoản tiền bà Tơ vay bà Tuyết là

40.000.000 đồng như các đương sự trình bày không có thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất nên căn cứ vào các Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 khi tiến hành giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Hội đồng xét xử xem xét đối với nhận giấy nhận tiền thứ ba giữa bà Trần Thị Tuyết và bà Bùi Thị Tơ số tiền 200.000.000 đồng thể hiện đây là tiền góp vốn mua chung đất nhà ông Thiện.

Xác định việc bà Tơ đặt cọc mua đất nhà ông Thiện là có thật, thể hiện tại giấy đặt cọc do ông Thiện cung cấp. Bà Tuyết có biết việc bà Tơ đặt cọc mua đất của hộ gia đình ông Thiện, bà Tuyết biết việc bà Tơ không mua được đất của ông Thiện và bị phạt tiền đặt cọc theo thỏa thuận giữa bà Tơ và ông Thiện; bà Tuyết có đến nhà ông Thiện đòi tiền đặt cọc nhưng bị ông Thiện từ chối trả do ông Thiện không giao dịch mua bán với bà Tuyết tại lời khai của ông Thiện tại Toà án cấp sơ thẩm cũng như tại Công an thị xã Sơn Tây. Bà Tơ đã trao đổi với ông Thiện để đòi lại tiền đặt cọc nhưng ông Thiện không trả. Như vậy, giấy nhận tiền thứ ba giữa bà Tuyết và bà Tơ là việc thỏa thuận góp vốn mua chung đất để kiếm lời giữa bà Tuyết và bà Tơ, việc thỏa thuận giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện không phải là việc vay tài sản. Hội đồng xét xử xét đối với yêu cầu của bà Tuyết đối với số tiền: 200.000.000 đồng mà bà Tuyết góp vốn mua chung đất nhà ông Thiện với bà Tơ sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm theo bà Tuyết trình bày Bà Tuyết đã nhắc nợ nhiều lần nhưng bà Tơ không trả, đến tháng 2 năm 2019 thì bà Tuyết đến làm thuê cho bà Tơ và nhắc nợ bà Tơ nhiều lần nên bà Tơ đã trả cho bà Tuyết được số tiền: 20.000.000 đồng (số tiền này bà Tơ đưa cho bà Tuyết 10.000.000 đồng và bà Tơ gửi qua nhờ bà Dung chuyển cho bà Tuyết 10.000.000 đồng) bà Tuyết yêu cầu bà Tơ phải trả các khoản lãi cho bà Tuyết đối với các khoản tiền vay nêu trên gồm: tiền lãi đối với số tiền: 5.000.000 đồng tiền vay tính từ ngày 01/06/2004 cho đến ngày 01/08/2020 là: 9.700.000 đồng; đối với số tiền vay là 40.000.000đ bà Tơ đã trả cho bà được 20.000.000 đồng, thời gian vay bà tính từ ngày 11/01/2007 đến ngày 01/8/2020, số tiền lãi là: 81.500.000 đồng; đối với số tiền 200.000.000 đồng tiền góp vốn mua chung đất nhà ông Thiện, bà Tuyết tính lãi từ ngày 27/5/2010 số tiền lãi là: 305.000.000 đồng; tổng cộng số tiền lãi bà Tuyết yêu cầu bà Tơ phải trả là: 396.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: số tiền gốc bà Tơ nợ bà Tuyết là 45.000.000 đồng, gồm có hai khoản tiền là 5.000.000 đồng và 40.000.000 đồng thể hiện trong hai giấy nhận tiền mà bà Tơ đã ký giấy thứ nhất và giấy thứ hai. Đây là những hợp đồng vay tài sản

không có kỳ hạn và không có lãi suất; như vậy số tiền nợ gốc bà Tuyết cho bà Tơ vay không được tính lãi. Tại thời điểm bà Tơ trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho bà Tuyết là tháng 2 năm 2019 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 448 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định trách nhiệm do chậm nghĩa vụ trả tiền của bà Tơ với bà Tuyết. Thời gian chậm trả từ ngày 01/03/2019 đến 31/08/2020 là 550 ngày, lãi suất là 10 %/năm, số tiền cụ thể như sau :

$5.000.000 \text{ đồng} \times 550 \text{ ngày} \times 10 \% / \text{năm} = 753.424 \text{ đồng}$

$20.000.000 \text{ đồng} \times 550 \text{ ngày} \times 10 \% / \text{năm} = 3.013.698 \text{ đồng}$

Tổng cộng số tiền chậm nghĩa vụ trả tiền là 3.767.122 đồng.

Buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả cho bà Trần Thị Tuyết số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và tiền chậm nghĩa vụ trả tiền là 3.767.122 đồng.

Như đã phân tích ở trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết là có căn cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm về điều luật áp dụng cũng như việc tính tiền lãi bằng tính số tiền do chậm nghĩa vụ trả tiền của bà Tơ với bà Tuyết.

- Đối với ông Trần Đình Thi là người cùng góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm, ông Thi không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết phần vốn góp của ông tại vụ án này mà ông Thi đã có đơn khởi kiện bà Bùi Thị Tơ bằng vụ kiện khác, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

- Đối với sổ đỏ của chị Nguyễn Thị Thảo: do bà Tơ đã rút yêu cầu đòi 01 sổ đỏ đứng tên chị Nguyễn Thị Thảo, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Đối với bà Dung là người được bà Tơ gửi tiền để trả cho bà Tuyết và bà Tuyết xác nhận đã nhận đủ số tiền do bà Tơ gửi là 10.000.000 đồng. Xác định bà Dung là người chứng kiến việc trả tiền giữa bà Tơ và bà Tuyết, hai bên đã xác nhận đã nhận đủ số tiền đã gửi nên Tòa án xác định bà Dung không liên quan đến vụ án này là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bị đơn là bà Bùi Thị Tơ phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Tuyết phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận tuy nhiên do bà Trần Thị Tuyết, sinh năm; 1953 là người cao tuổi nên miễn án phí sơ thẩm cho bà Tuyết

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị Tuyết không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 467, 468, 470, 474 Bộ luật dân sự năm 1995;
- Các Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ mục 7, phần IV Nghị quyết số 01 ngày 07/04/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ.
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Tuyết đối với bà Bùi Thị Tơ.

1.2. Buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả cho bà Trần Thị Tuyết số tiền gốc là: 25.000.000 đồng và số tiền chậm nghĩa vụ trả tiền là 3.767.122 đồng. Tổng số tiền gốc và chậm nghĩa vụ trả tiền là tính đến ngày 31/08/2020 là: 28.767.122 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tuyết không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Tuyết số tiền tạm ứng án phí bà Tuyết đã nộp là: 5.875.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AG/2010/0009927 ngày 03/03/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bà Bùi Thị Tơ phải chịu 1.438.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Tuyết không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Tuyết số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2012/00255 ngày 09/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Đinh Như Lâm

